

Số: 105/TB-CCTT&BVTV

Thái Nguyên, ngày 09 tháng 4 năm 2025

Kính gửi:

- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- Trung tâm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phía Bắc;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường.

THÔNG BÁO
TÌNH HÌNH DỊCH HẠI 7 NGÀY
(Từ 03/4/2025 đến ngày 09/4/2025)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

- Nhiệt độ: Trung bình: 22,5⁰C; Cao: 29⁰C; Thấp: 16⁰C.
- Nhận xét khác: Đầu kỳ thời tiết chuyển rét, âm u, cuối kỳ thời tiết âm u, nồm ẩm.

2. Cây trồng

Đối tượng	GĐST	Diện tích (ha)
Lúa	Đẻ nhánh rộ - Đứng cái - Làm đồng	28.705
Ngô	5 lá - 7 lá	6.644
Cây chè	Phát triển búp - Thu hái búp	22.126
Cây nhãn, vải	Vải, nhãn phát triển lộc Xuân, phát triển mầm hoa	1.690
Cây na	Phát triển lộc xuân	970
Cây bưởi	Phát triển lộc Xuân - mầm hoa- Quả non	2.162

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH DỊCH HẠI 7 NGÀY

1. Cây lúa

- Rầy các loại: Mật độ trung bình 10 - 50 con/m², nơi cao 60 - 200 con/m², tuổi Non + Trưởng thành.
- Sâu cuốn lá nhỏ: Mật độ trung bình 1 - 2 con/m², nơi cao 4 - 5 con/m², tuổi 4-5;
- Ốc bươu vàng: Mật độ gây hại trung bình 0,3 - 0,5 con/m², nơi cao 1 - 2 con/m² cb 1-3 con/m² (Đại Từ, Phú Lương, Định Hoá...).
- Bệnh đạo ôn: Tỷ lệ bệnh trung bình 0,5 - 2,6%, nơi cao 4%, cục bộ 20% lá bị bệnh, cấp 1, 3 (Đồng Hỷ, Phú Bình, Phổ Yên).
- Bệnh khô vằn: Tỷ lệ hại trung bình 1%, nơi cao 10-20% cấp 1-3 (Phổ Yên, Sông Công, Đại Từ, Phú Lương).

- Chuột: Tỷ lệ hại trung bình 0,4 – 0,5% , nơi cao 1,8 – 4,3% , CB 5% dành bị hại.
Ngoài ra sâu bệnh: Đốm sọc Vi khuẩn, bạc lá, châu chấu, dòi đục nõn, bọ trĩ xuất hiện gây hại thấp.

2. Cây ngô

- Sâu cắn lá: Mật độ trung bình 0,5 con/m², nơi cao 2 con/m². Tuổi 4,5
- Sâu keo mùa thu: Mật độ trung bình 0,3 - 0,5 con/m², nơi cao 1 - 2 con/m². Tuổi 4,5.
- Bệnh đốm lá nhỏ: Tỷ lệ hại trung bình 1 - 2%, nơi cao 5 - 10%, cấp 1-3.
Ngoài ra bệnh đốm lá lớn, rệp, hại thấp.

3. Cây chè

- Rầy xanh: Tỷ lệ hại trung bình 1-5 % , nơi cao 10-15% búp bị hại.
- Bọ cánh tơ: Tỷ lệ hại trung bình 1-5%, nơi cao 15-20% búp bị hại.
- Bọ xít muỗi: Tỷ lệ hại trung bình 1-2%, nơi cao 10% búp bị hại.
- Nhện đỏ: Tỷ lệ hại trung bình 1-5%, nơi cao 10% lá bị hại.
- Bệnh phòng lá: Tỷ lệ hại trung bình 1%, nơi cao 10% lá bị hại. Cục bộ 15% LBH
Ngoài ra bệnh chám xám, bệnh chết loang... gây hại cục bộ tỷ lệ hại thấp.

4. Cây vải, nhãn

- Bọ xít nâu: Mật độ trung bình 0,5 con/cành, nơi cao 2-3 con/cành, tuổi N + TT.
- Nhện lông nhung: Tỷ lệ hại trung bình 1,25%, nơi cao 12,5% cành bị hại.
- Bệnh thán thư: Tỷ lệ hại trung bình 1,25%, nơi cao 12,5% cành bị hại.

5. Cây na, bưởi: Sâu bệnh an toàn.

III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH DỊCH HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI

- * Trên cây lúa: Bệnh đạo ôn, khô vằn, chuột, tiếp tục gây hại.
- * Trên cây ngô: Sâu ăn lá, sâu keo mùa thu, sâu đục nõn ... tiếp tục gây hại, bệnh khô vằn xuất hiện gây hại nhẹ.
- * Trên cây chè: Các đối tượng tiếp tục gây hại, bệnh phòng lá gây hại trên diện rộng.
- * Trên cây vải, nhãn: bọ xít nâu, bệnh sương mai ... gây hại tăng.
- * Trên cây na, bưởi: Các đối tượng gây hại ở mức độ thấp.

IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ HOẶC CÁC CHỦ TRƯỞNG CẦN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN Ở ĐỊA PHƯƠNG

Theo dõi diễn biến các đối tượng gây hại trên cây trồng như: Bệnh phòng lá hại chè. Bệnh đạo ôn, khô vằn, sâu đục thân, chuột ... gây hại trên lúa. sâu keo mùa thu, bệnh khô vằn gây hại trên cây ngô. Bọ xít nâu, Bệnh sương mai, thán thư gây hại trên cây vải nhãn. Chủ động tham mưu và đề xuất các biện pháp chỉ đạo phòng trừ đạt hiệu quả, đảm bảo năng suất cây trồng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Trung tâm Khuyến nông tỉnh;
- Phòng NN và MT các huyện, thành phố;
- Các Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp;
- Lưu: VT, KDTVND.



Nguyễn Tá

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH
(Từ 03/4/2025 đến ngày 09/4/2025)



Cây trồng	Tên SVGH	GDST	Mật độ/tỷ lệ			Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	So kỳ trước (+/-)	So với cùng kỳ NT (+/-)	DTPT	Phân bố
			Phổ biến	Cao		Nhẹ	TB	Nặng	Tổng					
Cây lúa	OBV	Đẻ nhánh-Đẻ nhánh rộ	0,2 – 0,5 con/m ²	1 – 2 con/m ²		16	0	0	16	0	0		16	Định Hoá, Đại Từ, Phú Lương, Đồng Hỷ, Võ Nhai
	Đạo ôn lá		0,5 – 2,6%	4 - 10%		34	5	0,5	39.5	0			61	Phổ Yên, Sông Công
	Rầy xanh		1-5%	10 - 15%		172	2	0	174	0			165	Đại Từ, Phú Lương, Võ Nhai, Đồng Hỷ, Phổ Yên...
	Bọ cánh tơ	Phát triển búp – Thu hái	1-5%	15 - 20 %		122	7	0	129	0			115	
	Bọ xít muỗi		1-5%	10%		54	2	0	56	0	0		32	
Cây chè	Nhện đỏ		1-5%	10%		45	5	0	50	0	0		51	
	Phồng lá chè		1-2%	10%		56	10	0	56	0	0		51	Đại Từ, Phú Lương, TPTN..
	Nhện lông nhung	Phát triển lộc Xuân -	1,25%	12,5%		4	0	0	4	0	0		4	Đồng Hỷ, Võ Nhai..
Cây ăn quả	Bọ xít nâu	mầm hoa- Quả non	0,5 con/m ²	2 - 3 con/m ²		12	2	0	14	0	0		10	Đồng Hỷ, Võ Nhai..
	Thán thư		1,25%	12,5%		2	0	0	2	0	0		2	Đồng Hỷ, Võ Nhai..